

Số: **793** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **05** tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28/12/2015 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia;

Trên cơ sở Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định 2119/QĐ-UBND ngày 24/7/2015, Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 17/10/2016, Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 606/TTr-SCT ngày 21/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, với các nội dung sau:

1. Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 1 như sau:

- Đến năm 2020:

+ Về số lượng, quy mô quy hoạch phát triển mạng lưới chợ truyền thống: phân đầu đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ có tổng số 207 chợ, với quy mô 11 chợ hạng 1, 34 chợ hạng 2 và 162 chợ hạng 3 (chưa tính 04 chợ đầu mối và các chợ đêm).

- Đến năm 2025:

+ Về số lượng, quy mô quy hoạch phát triển mạng lưới chợ truyền thống: phân đầu đến hết năm 2025, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ có tổng số 198 chợ, với quy mô 11 chợ hạng 1, 34 chợ hạng 2 và 153 chợ hạng 3 (chưa tính 04 chợ đầu mối và các chợ đêm).

2. Sửa đổi Điểm c Khoản 4 Điều 1 như sau:

- Số lượng chợ quy hoạch đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025: 207 chợ, trong đó: 11 chợ hạng 1, 34 chợ hạng 2 và 162 chợ hạng 3 (không kể chợ đầu mối và chợ đêm).

- Phân theo tính chất đầu tư: 99 chợ thực hiện xây dựng mới, 94 chợ thực hiện nâng cấp sửa chữa; 26 chợ thực hiện di dời và 42 chợ thực hiện giải tỏa, xóa hoặc chuyển đổi công năng.

c) Tổng hợp số liệu quy hoạch mạng lưới chợ:

- Tổng diện tích đất quy hoạch chợ: 1.435.690 m²

- Tổng vốn đầu tư: 2.545.339 triệu đồng.

2. Điều chỉnh các Phụ lục I, V, VI, VIII, X ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai, nội dung điều chỉnh kèm theo các phụ lục, bao gồm:

a) Danh sách chợ đang hoạt động theo quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 31/12/2014 (phụ lục I).

b) Danh sách chợ thực hiện di dời, giải tỏa, xóa bỏ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phụ lục V).

c) Danh sách chợ bổ sung quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục VI).

d) Bảng tổng hợp quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục VIII).

đ) Sửa đổi danh sách quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục X).

3. Điều chỉnh phân kỳ đầu tư quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Quyết định này sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 Điều 1, STT 1 Phần IV Phụ lục VI, STT 21 Phần XI Phụ lục X Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch mạng

lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh.

2. Quyết định này sửa đổi STT4 Danh mục IV ban hành kèm theo Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh.

3. Quyết định này thay thế Danh mục V Điều chỉnh phân kỳ đầu tư quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 tại Quyết định 2119/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh, thay thế Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh.

4. Các nội dung khác tại Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

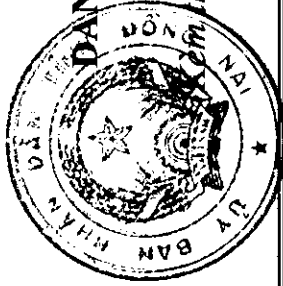
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



***Trần Văn Vĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Phụ lục I



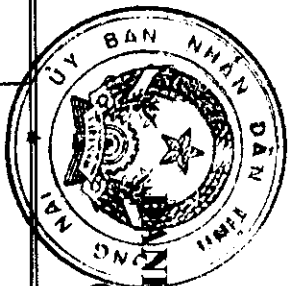
DANH SÁCH CHỢ ĐANG HOẠT ĐỘNG THEO QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NGÀY 31/12/2014

Cem theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 05 / 3 /2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch	Hạng chợ	Diện tích hiện trạng (m ²)	Năm xây dựng mới	Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
a) Xóa bỏ nội dung cột Ghi chú "Giải tỏa, di dời về Chợ Tân Biên" tại STT 26 Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh;								
b) Xóa bỏ STT 6 Phần IV Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh								
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA		33		87.454			
26	Chợ Sắt	Khu phố 1, phường Tân Biên	B1	2	3.237,6			Diện tích đất đã trừ lộ giới quy hoạch giao thông
IV	HUYỆN TÂN PHÚ		7		24.624			
6	Chợ 142	Áp 7, xã Phú An	A72	3	5.012	2.005	Doanh nghiệp	Cty TNHH TM-DV 142 đầu tư và quản lý

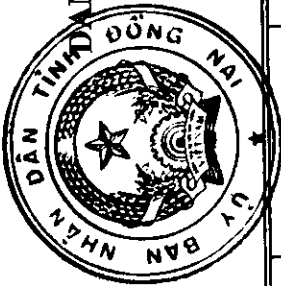
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Phụ lục V



ANH SÁCH CHỢ THỰC HIỆN DI DỜI, GIẢI TỎA, XÓA BỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Quyết định số 793 /QĐ-UBND ngày 05 / 3 /2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chợ	Địa chỉ	Di dời		Xóa quy hoạch (giải tỏa)	Ghi chú
			Mã số quy hoạch (cũ)	Mã số di dời đến (quy hoạch mới)		
a) Xóa bỏ STT 1 Phần I Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh;						
b) Bổ sung STT4 Phần IV Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh						
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA		6	6	4	
1	Chợ Sắt	Khu phố 1, phường Tân Biên	B1	C2		Giải tỏa, di dời về chợ Tân Biên
IV	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		2	2	2	
4	Chợ Ngã 3 Gia Canh	Khu phố 114, thị trấn Định Quán	A78	C200		Di dời về vị trí mới



**DANH SÁCH CHỢ BỔ SUNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 05/3 /2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chợ	Vị trí			Mã số quy hoạch	Hạng chợ	Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch		Ghi chú
		Địa chỉ	Số tờ	Số thửa				Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa	
Bổ sung STT 4 Phần IV Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh; Sửa đổi STT1 Phần IV Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định 2560/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh										
IV	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		4	4	4		122.491	4	0	
3	Chợ Phú Vinh	Xã Phú Vinh	45	243	C199	3	2.040	2018		Xây dựng khoảng 120 điểm kinh doanh, tổng dự toán đầu tư xây dựng khoảng 13 tỷ đồng, mời gọi doanh nghiệp đầu tư
4	Chợ Ngã 3 Gia Canh	Khu phố 114, thị trấn Định Quán	23	6, 7, 8, 13, 14, 15, 23, 29, 30, 31, 36, 37, 47, 171, 172, 176, 181, 230	C200	2	9.888	2018-2020		Giai đoạn 1: 3.000m2 đầu tư khoảng 14 tỷ đồng với 150 điểm kinh doanh; Giai đoạn 2: 6.888m2 đầu tư khoảng 25 tỷ đồng với 245 điểm kinh doanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Phụ lục VIII



**BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

Kèm theo Quyết định số 793 /QĐ-UBND ngày 05 /11 /2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

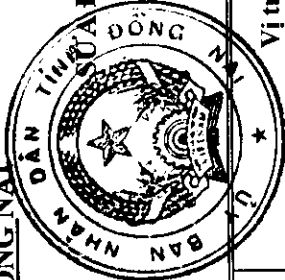
STT	Địa bàn	Tổng số quy hoạch	Hạng chợ quy hoạch			Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch				Dự kiến vốn đầu tư (triệu đồng)
			1	2	3		Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa	Di dời	Giải tỏa	
Sửa đổi STT11 Danh mục III ban hành kèm theo Quyết định 2119/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh; Sửa đổi STT4 Danh mục IV ban hành kèm theo Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh; Sửa đổi STT1 và STT5 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quyết định 2560/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh.											
1	Thành phố Biên Hòa	39	3	10	26	116.314	20	12	6	13	288.219
4	Huyện Định Quán	20	0	3	17	122.491	11	9	2	2	123.400
5	Huyện Tân Phú	16	2	0	14	78.890	10	6	1	1	69.550
11	Huyện Long Thành	21	1	2	18	149.216	15	5	6	6	69.200
TỔNG CỘNG		207	11	34	162	1.435.690	99	94	25	42	2.545.339

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Phụ lục X

ĐỒI DANH SÁCH QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

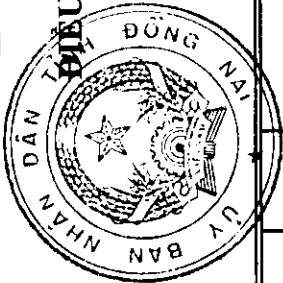


STT	Tên chợ	Vị trí			Mã số quy hoạch (cũ)	Mã số quy hoạch (mới)	Hạng chợ	Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch		Số điểm kinh doanh đang hoạt động	Số điểm kinh doanh thiết kế	Dự kiến vốn đầu tư (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
		Địa chỉ	Số tờ	Số thửa					Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa					
Bổ sung STT 29 Phần I Phụ lục X ban hành kèm theo Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh; Sửa đổi STT 8 phần IV và STT 12 phần V Phụ lục X ban hành kèm theo Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh; Sửa đổi STT 21 phần IV Phụ lục X ban hành kèm theo Quyết định 2560/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh; Sửa đổi STT 6 phần XI Danh mục V ban hành kèm theo Quyết định 3345/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh.															
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA				30	30		116.314	20	12			288.219		
29	Chợ Sặt	Khu phố 1, phường Tân Biên	38	9	B1	C201	2	4040		2018	343	371	17.000	Hộ kinh doanh	Đầu tư bổ sung từ quỹ đầu tư của HTX TMDV Tân Hòa
IV	HUYỆN ĐỊNH QUÁN				18	20		122.491	10	10			123.400		
8	Chợ Ngã 3 Gia Canh	Khu phố 114, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	23	6, 7, 8, 13, 14, 15, 23, 29, 30, 31, 36, 37, 47, 171, 172, 176, 181, 230	Chưa MS	C200	2	9.888	2018-2020		50	395	39.000	Doanh nghiệp	Giai đoạn 1: 3.000m ² đầu tư khoảng 14 tỷ với 150 điểm kinh doanh; Giai đoạn 2: 6.888m ² đầu tư khoảng 25 tỷ với 245 điểm kinh doanh
21	Chợ Phú Vinh	Xã Phú Vinh	45	243	C199	2.040	3		2.018			210	13.000	Doanh nghiệp	Xây dựng khoảng 120 điểm kinh doanh, tổng dự toán đầu tư xây dựng khoảng 13 tỷ đồng, mời gọi doanh nghiệp đầu tư

STT	Tên chợ	Vị trí			Mã số quy hoạch (cũ)	Mã số quy hoạch (mới)	Hạng chợ	Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch		Số điểm kinh doanh đang hoạt động	Số điểm kinh doanh thiết kế	Dự kiến vốn đầu tư (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
		Địa chỉ	Số tờ	Số thửa					Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa					
V	HUYỆN TÂN PHÚ				15	16		78.890	10	6			69.550		
12	Chợ 142	Ấp 7, xã Phú An	56	211	A72	C101	3	5.012	2020			80	2.000	Xã hội hóa	
XI	HUYỆN LONG THÀNH				19	21		149.216	15	5			69.200		
6	Chợ Tân Hiệp	Ấp 6, xã Tân Hiệp	30	124	A182	C181	2	10.000	2018-2021			350	9.000	Doanh nghiệp	Giai đoạn 1 (2018-2020): Giai đoạn 2 (2021-2025): đầu tư thành chợ hạng 2.
TỔNG CỘNG					198	198		1.435.690	99	94			2.545.339		

**ĐIỀU CHỈNH PHÂN KỲ ĐẦU TƯ QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 793 /QĐ-UBND ngày 01.3.../2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)



TT	STT	Tên Chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch (mới)	Hạng chợ			Định hướng quy hoạch			
					1	2	3	Đầu tư xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa		
A	I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA									
	1	2	Chợ Tân Biên	Khu phố 5A, phường Tân Biên	C2	X			20	11	
	2	6	Chợ Tân Phong	Khu phố 2, phường Tân phong	C6		X			2018	
	3	7	Chợ Tam Hòa	Khu phố 1, phường Tam Hòa	C7		X			2018	
	4	8	Chợ Bửu Hòa	Áp Tân Bình, phường Bửu Hòa	C8		X			2018	
	5	11	Chợ Long Bình Tân	Khu phố 1, phường Long Bình Tân	C11		X			2018	
	6	14	Chợ Tân Tiến	Khu phố 6, phường Tân Tiến	C14			X	2018		
	7	17	Chợ Thái Bình	Khu phố 7, phường Tân Hòa	C17			X	2018		
	8	18	Chợ Khu phố 3 Long Bình	Khu phố 3, phường Long Bình	C18			X	2019		
	9	19	Chợ Khu phố 7 Long Bình	Khu phố 7, phường Long Bình	C19		X		2019		
	10	20	Chợ Hăng Dầu	Khu phố 2, phường Quyết Thắng	C20			X	2018		
	11	21	Chợ số 6 Hồ Nai	Khu phố 4, phường Hồ Nai	C21			X	2018		
	12	27	Chợ Long Hưng	Áp Phước Hội, xã Long Hưng	C27			X	2019		
13	28	Chợ Tam Phước	Xã Tam Phước	C196			X	2019			
B	II	HUYỆN TRẢNG BOM									
1	1	Chợ Trảng Bom	Khu phố 1, thị trấn Trảng Bom	C29		X				2020	
				24	0	6	18	14	10		

TT	STT	Tên Chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch (mới)	Hạng chợ			Định hướng quy hoạch	
					1	2	3	Đầu tư xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa
2	2	Chợ Bờ Hồ	Thị trấn Trảng Bom	C30			X	2020	
3	3	Chợ Trà cổ	Ấp Trà Cổ, xã Bình Minh	C31		X			2021
4	4	Chợ Đông Hòa	Ấp Hòa Bình, xã Đông Hòa	C32		X			2022
5	5	Chợ An Chu	Ấp Bui Chu, xã Bắc Sơn	C33		X			2023
6	6	Chợ Sông Mây	Ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn	C34		X		2020	
7	10	Chợ Lộc Hòa	Ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	C38			X		2020
8	11	Chợ Đồi 61 (Mới)	Ấp Tân Thịnh, xã Đồi 61	C39			X	2020	
9	13	Chợ Sông Thao	Ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	C41			X	2021	
10	14	Chợ An Viên	Ấp 3, xã An Viên	C42			X	2018	
11	15	Chợ Bàu Hàm	Ấp Tân Hoa, xã Bàu Hàm	C43			X		2019
12	19	Chợ Thanh Hóa	Ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3	C47			X		2021
13	20	Chợ Hố Nai 3	Khu dân cư ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3	C48			X		2022
14	21	Chợ Sông Trầu	Ấp 2, xã Sông Trầu	C49			X		2023
15	22	Chợ Cây số 9	Ấp 3, xã Sông Trầu	C50			X	2019	
16	23	Chợ Cây Gáo	Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	C51			X		2019
17	24	Chợ chiều ấp Cây Diệp	Ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo	C52			X	2018	
C	III	HUYỆN THÔNG NHẤT		18	0	3	14	9	9
1	1	Chợ Dốc Mơ	Ấp Dốc Mơ 1, xã Gia Tân 1	C53		X			2021
2	2	Chợ Bạch Lâm	Ấp Bạch Lâm 2, xã Gia Tân 2	C54			X	2020	
3	3	Chợ Phúc Nhạc	Ấp Phúc Nhạc, xã Gia Tân 3	C55		X			2020
4	5	Chợ Lê Lợi	Ấp Lê Lợi, xã Quang Trung	C57			X		2018
5	11	Chợ Tân Lập	Ấp 2, xã Lộ 25	C63			X		2019
6	12	Chợ Ấp 5	Ấp 5, xã Lộ 25	C64			X	2018	

TT	STT	Tên Chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch (mới)	Hạng chợ			Định hướng quy hoạch	
					1	2	3	Đầu tư xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa
7	6	Chợ Võ Đông	Áp Võ Đông, xã Gia Kiêm	C198			X	2018-2020	
8	17	Chợ Trần Hưng Đạo	Áp Trần Hưng Đạo, xã Xuân Thạnh	C69			X	2020	
D	IV	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		19	0	2	17	10	0
1	8	Chợ Phú Tân	Áp 5, xã Phú Tân	C78			X	2021-2025	
2	10	Chợ xã Gia Canh	Áp 2, xã Gia Canh	C80			X	2018	
3	20	Chợ Phú Vinh	Áp 4, xã Phú Vinh	C199			X	2018	
Đ	V	HUYỆN TÂN PHÚ							
1	9	Chợ Núi Tượng	Áp 4, xã Núi Tượng	C98			X	2019	
2	10	Chợ Phú Xuân (Ngọc Lâm)	Áp Ngọc Lâm, xã Phú Xuân	C99			X	2018	
3	15	Chợ Phú Thạnh	Áp Bàu Mây xã, Phú Thạnh	C104			X	2021-2025	
E	VI	THỊ XÃ LONG KHÁNH		15	1	0	14	7	8
1	1	Chợ Long Khánh	Đường Hùng Vương, phường Xuân Trung	C106	X				2021
2	5	Chợ Bảo Vinh	Áp Ruộng Lớn, xã Bảo Vinh	C110			X		2022
3	8	Chợ Bình Lộc	Áp 1, xã Bình Lộc	C113			X		2023-2025
4	9	Chợ Bàu Sen	Áp Núi Đỏ, xã Bàu Sen	C114			X	2019-2020	
5	10	Chợ Bàu Trâm	Xã Bàu Trâm	C115			X	2020-2025	
6	11	Chợ Suối Tre	Xã Suối Tre	C116			X	2019	
7	12	Chợ Bàu Cối	Áp Bàu Cối, xã Bảo Quang	C117			X		2025
8	13	Chợ Bảo Quang	Xã Bảo Quang	C118			X	2020-2025	
9	14	Chợ Xuân Lập	Áp Trung Tâm, xã Xuân Lập	C119			X		2.025
10	15	Chợ Phú Mỹ	Áp Phú Mỹ, xã Xuân Lập	C120			X	2020	
G	VII	HUYỆN XUÂN LỘC		16	0	5	11	2	11
1	9	Chợ Thọ Lộc	Áp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ	C129			X		2020-2025

TT	STT	Tên Chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch (mới)	Hạng chợ			Định hướng quy hoạch	
					1	2	3	Đầu tư xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa
H	IX	HUYỆN NHƠN TRẠCH		16	2	2	12	9	8
1	1	Chợ Dân Xuân	Ấp 3, xã Hiệp Phước	C150	X			2020	
2	2	Chợ Phú Thạnh	Ấp 1, xã Phú Thạnh	C151	X			2020	
3	7	Chợ Phước An (núi)	Ấp Bà Trường, xã Phước An	C156			X	2020	
4	9	Chợ Ấp 4 Long Thọ	Ấp 4, xã Long Thọ	C158			X	2018	
5	10	Chợ Long Tân	Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân	C159			X	2020	
6	13	Chợ Phú Hội	Ấp Xóm Hố, xã Phú Hội	C162			X	2018	
7	16	Chợ Đoàn Kết	Ấp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh	C165			X	2020	
I	XI	HUYỆN LONG THÀNH		20	1	1	18	15	5
1	3	Chợ Lộc An	Ấp Bình Lâm, Xã Lộc An	C178			X	2018	
2	6	Chợ Tân Hiệp	Ấp 6, xã Tân Hiệp	C181		X		2018	
3	7	Chợ Cẩm Đường	Ấp Cẩm Đường, xã Cẩm Đường	C182			X		2018
4	8	Chợ Suối Quýt	Ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường	C183			X	Xóa quy hoạch	
5	16	Chợ An Bình	Ấp 8, xã An Phước	C191			X		2018
TỔNG CỘNG				198	11	34	162	99	94